

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2019/DS-ST
Ngày: 29/8/2019
V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2019/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1964 (Hộ kinh doanh Mười M).

Địa chỉ: 92/2 ấp HB, thị trấn TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị Hương T, sinh năm 1981,

Địa chỉ: 50/2 ấp QH, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị T ủy quyền cho anh P tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2019.

Tất cả cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Lê Văn M trình bày:

Vào ngày 15/01/2018 giữa ông cùng vợ chồng anh Nguyễn Quốc P và chị Nguyễn Thị Hương T thỏa thuận việc mua bán thức ăn để chăn nuôi gà theo hình thức bao chuồng, ông cung cấp thức ăn cho đến khi anh P và chị T xuất chuồng bán gà sẽ thanh toán tiền cho ông; khi anh P và chị T mua thức ăn thì ông xuất hóa đơn

và ghi vào sổ, anh P và chị T ký xác nhận vào sổ, ông là người giữ sổ mua bán, anh P và chị T giữ hóa đơn; thông thường gà từ lúc nuôi đến lúc bán là 04 tháng.

Thời gian đầu anh P và chị T thanh toán tiền đầy đủ và đúng hạn nhưng sau đó không thực hiện thanh toán đúng như thỏa thuận nên đến ngày 13/4/2019 ông tổng kết nợ và dừng việc cung cấp thức ăn cho anh P và chị T. Tại thời điểm tổng kết nợ số nợ của anh P và chị T là 202.051.000 đồng. Đến ngày 21/4/2019 ông và anh P làm văn bản thỏa thuận, theo đó anh P và chị T hứa đến ngày 21/7/2019 trả hết cho ông số nợ 202.051.000 đồng, nếu không trả tiền đúng hạn thì phải chịu lãi suất 1%/tháng tính từ ngày hai bên thỏa thuận.

Tuy nhiên, đến ngày 23/7/2019 anh P và chị T chỉ trả được 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 152.051.000 đồng đến nay chưa trả cho ông.

Tại tòa, ông yêu cầu anh P và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số nợ là 152.051.000 đồng và phải trả số tiền lãi là: $152.051.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng}$ 08 ngày (từ 21/4/2019 đến 28/8/2019) = 6.132.000 đồng (làm tròn số).

Tổng số tiền ông yêu cầu anh P và chị T trả là: 152.051.000 đồng + 6.132.000 đồng = 158.183.000 đồng, ông yêu cầu trả một lần.

Anh P và chị T xin được trả dần ông không đồng ý.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn Nguyễn Quốc P đồng thời được bị đơn Nguyễn Thị Hương T ủy quyền trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của ông M về việc anh và chị T có mua thức ăn để nuôi gà, thỏa thuận mua bán, phương thức thanh toán, số tiền khi chốt nợ là 202.051.000 đồng; văn bản thỏa thuận nợ vào ngày 21/4/2019 vợ chồng anh hứa đến ngày 21/7/2019 trả hết nợ cho ông M, nếu không trả đủ tiền sẽ phải trả lãi suất 1%/tháng; đến ngày 23/7/2019 vợ chồng anh chỉ trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 152.051.000 đồng đến nay chưa trả như lời trình bày của ông M là đúng.

Tại tòa anh đồng thời được chị T ủy quyền cùng đồng ý có trách nhiệm liên đới trả cho ông M số tiền 152.051.000 đồng và số tiền lãi là 6.132.000 đồng nhưng có yêu cầu đến tháng 9/2019 trả 50.000.000 đồng, sau đó trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Lê Văn M yêu cầu bị đơn Nguyễn Quốc P và chị Nguyễn Thị Hương T trả tiền nợ do mua thức ăn nuôi gà nhưng không trả nên đây là tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Quốc P và chị Nguyễn Thị Hương T có nơi cư trú tại 50/2 ấp QH, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về nội dung: nguyên đơn Lê Văn M và bị đơn Nguyễn Quốc P và chị Nguyễn Thị Hương T đều thống nhất hai bên có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi gà vào ngày 15/01/2018 và số tiền mà anh P và chị T còn nợ ông M là 152.051.000 đồng. Hợp đồng mua bán được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự. Hai bên cùng thống nhất khi thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi gà thì bên mua là anh P và chị T có nghĩa vụ trả tiền sau khi kết thúc mỗi đợt nuôi. Xét thấy, do anh P và chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn anh P và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông M 152.051.000 đồng.

[4] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất giữa hai bên có thỏa thuận nếu anh P và chị T không trả nợ đúng hạn thì còn phải trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng. Xét thấy, anh P đồng ý trả cho ông M số tiền lãi là 6.132.000 đồng và mức lãi suất 1%/tháng mà ông M yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 440, 357, 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh P và chị T trả cho ông M số tiền lãi là 6.132.000 đồng.

[5] Anh P và chị T trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu được trả nợ là vào tháng 9/2019 trả 50.000.000 đồng, sau đó trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, yêu cầu trả nợ này là không phù hợp vì anh P và chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và cũng đã được ông M tạo điều kiện trả nợ; yêu cầu trả dần của anh P và chị T tại tòa không được ông M chấp nhận nên không chấp nhận yêu cầu của anh P và chị T.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, 433, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn M. Buộc anh Nguyễn Quốc P và chị Nguyễn Thị Hương T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn M 158.183.000 (một trăm năm mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn) đồng (gồm nợ gốc là 152.051.000 đồng và tiền lãi là 6.132.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quốc P và chị Nguyễn Thị Hương T phải có trách nhiệm liên đới chịu 7.909.000 (bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Ông Lê Văn M được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.920.000 đồng theo biên lai thu số 0003999 ngày 25 tháng 7 năm 2019.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Cao Thanh Minh